

Số: 2857503

|                                            | Kia New Sonet 1.5 Luxury                                    | Mazda2 Sport 1.5L Premium |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>579.000.000đ</b>                                         | <b>544.000.000đ</b>       |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                             |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4120 x 1790 x 1642                                          | 4080 x 1695 x 1515        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2500                                                        | 2570                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                                                        | 5000                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 205                                                         | 143                       |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1095                                                        | 1092                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1580                                                        | 1524                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 392                                                         | 280                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                                                          | 44                        |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                                           | 5                         |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                            | Nhập Khẩu                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                             |                           |
| Loại động cơ                               | Smartstream 1.5G                                            | Skyactiv-G 1.5L           |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1497                                                        | 1496                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 113 Hp / 6300 rpm                                           | 110 / 6000                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 Nm / 4500 rpm                                           | 144 / 4000                |
| Hộp số                                     | CVT                                                         | 6AT                       |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                             | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                        | MacPherson                                                  | Độc lập Mc Pherson        |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                                                  | Thanh xoắn                |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                         | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                         | Đĩa                       |
| Thông số lốp xe                            | 215/60 R16                                                  | 185/60 R16                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.67                                                        | 7.26                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.55                                                        | 4.88                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.97                                                        | 5.75                      |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport                                            | Normal/Sport              |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand                                               | -                         |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                             |                           |
| Cụm đèn trước                              | LED                                                         | LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                           | ●                         |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                           | ●                         |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                         | Halogen                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                           | ●                         |
| Gạt mưa tự động                            | -                                                           | ●                         |
| Cửa sổ trời                                | -                                                           | -                         |
| Trang bị khác                              | Bagia mui                                                   |                           |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                             |                           |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                           | ●                         |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                          | Da + Nỉ                   |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                                                           | ●                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                           | ●                         |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | Kính cửa người lái điều khiển tự động lên xuống & chống kẹt | ●                         |

|                                    |       |                  |
|------------------------------------|-------|------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 4.2"  | Analog + Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8"    | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●     | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●     | ●                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●     | -                |
| Khởi động nút bấm                  | ●     | ●                |
| Khởi động từ xa                    | ●     | -                |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa | 6 loa            |

#### AN TOÀN:

|                                         |     |     |
|-----------------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                              | 2   | 6   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●   | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●   | ●   |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau | Sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●   | -   |
| Camera lùi                              | ●   | ●   |